



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

ĐỊA CHỈ: 18 PHẠM HÙNG, HÀ NỘI
ADDRESS: 18 PHAM HUNG ROAD, HA NOI
ĐIỆN THOẠI/ TEL: +84 4 3 7684701
FAX: +84 4 3 7684779
EMAIL: vr-id@vr.org.vn
WEB SITE: www.vr.org.vn

THÔNG BÁO KỸ THUẬT TÀU BIỂN
TECHNICAL INFORMATION ON SEA-GOING SHIPS

Ngày 16 tháng 7 năm 2015

Số thông báo: 018TI/15TB

Nội dung: Chiến dịch kiểm tra tập trung năm 2015 của các chính quyền cảng trên thế giới về sự thành thạo của thuyền viên với các quy định an toàn khi vào không gian kín của tàu.

Kính gửi: Các chủ tàu/ công ty quản tàu biển
Các đơn vị đăng kiểm tàu biển

Tổ chức các quốc gia tham gia bản ghi nhớ Paris về hợp tác trong kiểm tra tàu biển của chính quyền cảng khu vực Tây Âu-Bắc Đại Tây Dương (Tổ chức Paris-MOU), và Tổ chức các quốc gia tham gia bản ghi nhớ Tokyo về hợp tác trong kiểm tra tàu biển của chính quyền cảng khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (Tokyo-MOU) sẽ thực hiện Chiến dịch kiểm tra tập trung nhằm xác nhận sự thành thạo của thuyền viên với các quy định an toàn khi vào không gian kín của tàu. Chiến dịch diễn ra từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015, với sự tham gia đồng thời của một số tổ chức hợp tác khu vực khác về kiểm tra tàu biển của chính quyền cảng.

Theo Quy định III/19 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 (SOLAS), từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, thuyền viên trên tàu phải tham gia huấn luyện vào không gian kín và cứu nạn tối thiểu hai tháng một lần. Mỗi đợt huấn luyện này phải bao gồm cả việc kiểm tra và sử dụng dụng cụ để thử môi trường trong không gian kín của tàu.

Để chuẩn bị sẵn sàng cho Chiến dịch kiểm tra nêu trên của các chính quyền cảng trên thế giới, chúng tôi đề nghị các chủ tàu/ công ty quản lý tàu biển sử dụng danh mục đính kèm Thông báo kỹ thuật này để thường xuyên kiểm tra sự tuân thủ các quy định vào không gian kín của tàu.

Các hướng dẫn liên quan đến quy định an toàn khi vào không gian kín được nêu tại Thông báo kỹ thuật tàu biển số 006TI/15TB ngày 29 tháng 01 năm 2015, số 013TI/14TB ngày 25 tháng 8 năm 2014, và số 012TI/14TB ngày 15 tháng 8 năm 2014 trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>.

Nếu Quý Đơn vị cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam

Phòng Tàu biển

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 37684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +84 4 37684722

Thư điện tử: taubien@vr.org.vn; bangph@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Đơn vị lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QP, TB, CN, HTQT;
- Trung tâm VRQC, TH;
- Các chi cục đăng kiểm;
- Lưu TB./.

DANH MỤC KIỂM TRA SỰ THÀNH THẠO CỦA THUYỀN VIÊN TRONG VIỆC VÀO KHÔNG GIAN KÍN
Checklist of Crew Familiarization for Enclosed Space Entry

Tên tàu/ Ship's Name: Số IMO:

Ngày kiểm tra/ Date of Inspection: Người kiểm tra/ Inspected by:

TT No.	Hạng mục Item	Có Yes	Không No	Không áp dụng N/A
1	Trong số các quy trình hoạt động then chốt của tàu liên quan đến an toàn tàu và con người thuộc Hệ thống quản lý an toàn tàu (tham khảo mục 7 của Bộ luật ISM) có các quy trình vào không gian kín. The ship's safety management system includes procedures for entering enclosed spaces among the key shipboard operations concerning the safety of personnel and the ship (refer to paragraph 7 of the ISM Code).			
2	Hệ thống quản lý an toàn tàu bao gồm kế hoạch huấn luyện sử dụng thiết bị thử môi trường trong không gian kín và lịch trình thực tập thường xuyên trên tàu. The ship's safety management system includes a training scheme for the use of atmospheric testing equipment in an enclosed space and schedule of regular onboard drill.			
3	Thiết bị thử môi trường được hiệu chuẩn thích hợp và trên tàu có bằng chứng về việc này. The atmospheric testing equipment is properly calibrated and evidence found on board.			
4	Thuyền viên được huấn luyện thích hợp về an toàn trong không gian kín, bao gồm việc làm quen với quy trình của tàu về nhận biết, đánh giá và kiểm soát các mối nguy hiểm liên quan đến việc vào không gian kín. The crew members have been trained as appropriate in enclosed spaces safety, including familiarization with on board procedure for recognizing, evaluating and controlling hazards associate with the entry into enclosed space.			
5	Việc đánh giá rủi ro được thực hiện để nhận biết tất cả các không gian kín của tàu. Việc đánh giá rủi ro này được rà soát định kỳ để đảm bảo sự phù hợp liên tục trên tàu. A risk assessment has been carried out to identify all enclosed spaces on board the vessel. The risk assessment is periodically revised to ensure its continued validity.			
6	Hệ thống cho phép vào không gian kín (mẫu báo cáo) được thực hiện trong Hệ thống quản lý an toàn tàu. Báo cáo này phải do thuyền trưởng hoặc người có trách nhiệm được chỉ định cấp và người vào không gian kín hoàn thành trước khi vào không gian kín. An enclosed sapce entry permit system (Record form) has been implemented in ship's safety management system that must be issued by the master or the nominated responsible person, and completed by the personnel who enter the space prior to entry.			
7	Hệ thống cho phép vào không gian kín (mẫu báo cáo) báo gồm tất cả các thông tin nêu trong Phụ lục Nghị quyết A.1050(27) của IMO. The enclosed space entry permit system (Record Form) includes all inormation as per the Appendix to the IMO Resolution A.1050 (27)			
8	Trong các đợt đánh giá nội bộ của công ty đối với hệ thống quản lý an toàn, đã thẩm tra xác nhận các quy trình vào không gian kính được thiết lập phù hợp với thực tiễn và nhất quán với chính sách an toàn của công ty. During internal audits by the company of the ship's safety management system it is verified that the established procedures for entering enclosed spaces are complied with in practice and are consistent with the safety strategy adopted by the company.			
9	Trên tàu có các trang thiết bị dưới đây: The equipment outlined below is available on board the vessel:			
9.1	Các báo hiệu và rào chắn (đảm bảo có đủ các báo hiệu và rào chắn thích hợp cho các lỗ mở để phòng ngừa tai nạn hoặc việc đi vào không được phép). Signs & barriers (ensure that adequate signs and barriers against all openings to prevent accidental or unauthorized entry).			
9.2	Phương tiện thông gió cơ giới. Mechanical means of ventilation.			
9.3	Thiết bị thử môi trường. Atmosphere testing equipment.			

9.4	Chiếu sáng (đèn dự phòng bỏ túi và đèn điện áp thấp). Lighting (pocket back up light and low voltage lights).			
9.5	Trang bị bảo hộ cá nhân (quần áo bảo hộ, mũ an toàn, giày, ủng bảo hộ, kính hoặc trang bị bảo vệ mắt khác, găng tay phù hợp cho công việc, đai an toàn dùng để cứu người trong tình huống khẩn cấp, khẩu trang; công việc hàn hoặc một số việc khác có thể yêu cầu các trang thiết bị đặc biệt như tạp dề, mặt nạ che kín toàn bộ mặt người, ...) Personal protective equipment PPE (boiler suit, safety helmets, boots or other safety footwear, goggles or other eye protection, gloves (suitable for the work), harness (to aid in emergency recovery), dust masks; welding and other types of work may require specialist equipment such as aprons, full face masks, etc).			
9.6	Phương tiện liên lạc (giữa người tại buồng lái và người tại lối vào không gian kín/ giữa người tại lối vào không gian kín và người trong không gian kín). Communications (between the bridge and at the entrance of the space/ between the attendant at the entrance of the space and those inside it).			
9.7	Dụng cụ thở trong trường hợp khẩn nguy (EEBD). Emergency escape breathing device (EEBD).			
9.8	Thiết bị thở. Breathing apparatus.			
9.9	Cáng có thể uốn được. Flexible stretcher.			
9.10	Dây cứu nạn có đủ chiều dài. Long enough Rescue Line			
10	Việc thực tập vào không gian kín được thực hiện thỏa mãn, tuân thủ tất cả các yêu cầu liên quan được thiết lập trong Hệ thống quản lý an toàn tàu. A drill of enclosed space entry has been performed successfully following all the requirements of the procedure implemented in the ship's safety management system.			
11	Sau khi thực tập, thuyền viên của tàu thành thạo trong việc nhận biết, đánh giá, xác định, kiểm soát và loại trừ các mối nguy hiểm liên quan đến việc vào không gian kín. Following the drill, the crew members on board are competent at recognition, evaluation, measurement, control and elimination of hazards associate with the entry into enclosed space.			